

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I****Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

**Các dạng bài****1. Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất**

- Nêu được khái niệm khí quyển.
- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương, địa hình.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ về yếu tố nhiệt độ của khí quyển.

**2. Khí áp và gió**

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.
- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Phân tích được hình vẽ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (khí áp, gió).

**3. Mưa**

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được hình vẽ, bản đồ về mưa.

**4. Thủy quyển, nước trên lục địa**

- Nêu được khái niệm thủy quyển.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.
- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.
- Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.
- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.
- Vẽ được sơ đồ, phân tích được hình vẽ về thủy quyển.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước.

**5. Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật**

- Trình bày được khái niệm sinh quyển.
  - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.
  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.
  - Liên hệ được thực tế ở địa phương.
6. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí
- Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.
  - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương.
  - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.
7. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới, liên hệ được thực tế ở địa phương.
  - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.
8. Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất
- Nêu được khái niệm khí quyển.
  - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương, địa hình.
  - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ về yếu tố nhiệt độ của khí quyển.

## II. Kiến thức lý thuyết ôn thi học kì 1

### CHỦ ĐỀ 1: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

#### 1. Phương pháp kí hiệu

a) Đối tượng biểu hiện: Biểu hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể. Những kí hiệu được đặt chính xác vào vị trí phân bố của đối tượng trên BĐ.

b) Các dạng kí hiệu

- Kí hiệu hình học
- Kí hiệu chữ
- Kí hiệu tượng hình

#### 2. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động

a) Đối tượng biểu hiện: Biểu hiện sự di chuyển của các đối tượng, hiện tượng tự nhiên và kinh tế xã hội.

b) Khả năng biểu hiện

- Hướng đi của đối tượng.
- Khối lượng của đối tượng di chuyển.
- Chất lượng của đối tượng di chuyển.

### 3. Phương pháp chấm điểm

a) Đối tượng biểu hiện: Biểu hiện các đối tượng phân bố không đồng đều. Bằng những đường chấm có giá trị như nhau.

b) Khả năng biểu hiện

- Sự phân bố của đối tượng.
- Số lượng của đối tượng.

### 4. Phương pháp bản đồ - biểu đồ

a) Đối tượng biểu hiện: Biểu hiện các đối tượng phân bố trong những đơn vị phân chia lãnh thổ bằng các biểu đồ đặt trong các đơn vị lãnh thổ đó.

b) Khả năng biểu hiện

- Số lượng của đối tượng.
- Chất lượng của đối tượng.
- Cơ cấu của đối tượng.

### 5. Vai trò của biểu đồ trong học tập và đời sống

a) Trong học tập

- Học tại lớp
- Học ở nhà
- Kiểm tra

b) Trong đời sống

- Bảng chỉ đường
- Phục vụ các ngành sản xuất
- Trong quân sự

### 6. Sử dụng biểu đồ, atlas trong học tập

\* Những vấn đề cần lưu ý:

a. Chọn biểu đồ phù hợp.

b. Đọc biểu đồ phải tìm hiểu về tỷ lệ và ký hiệu biểu đồ.

c. Xác định phương hướng trên bản đồ.

d. Tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí trên biểu đồ

\* Atlas: là một tập hợp các bản đồ. Khi sử dụng thường phải kết hợp bản đồ ở nhiều trang Atlas có nội dung liên quan với nhau để tìm hiểu hoặc giải thích một hiện tượng, đối tượng địa lí.

### 7. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống

- Hệ thống định vị toàn cầu (GPS):

- Là hệ thống định vị toàn cầu, xác định vị trí của vật thể dựa vào hệ thống vệ tinh nhân tạo.
- Ứng dụng: công cụ định vị và dẫn đường, ứng dụng vào các hoạt động giải trí, cảnh báo trước các địa điểm có thể xảy ra thiên tai, tìm kiếm đồ vật bị thất lạc, giám sát trẻ tự kỉ,...

- Bản đồ số:

- được thành lập dưới dạng dữ liệu máy tính trên cơ sở xử lý số liệu nhận được từ các thiết bị quét chuyên dụng, ảnh hàng không, ảnh vệ tinh, viễn thám hoặc số hóa các bản đồ truyền thống.
- Ứng dụng: tìm đường, tạo bản đồ riêng mình, lưu địa chỉ nhà, trường học hay nơi làm việc,...

## CHỦ ĐỀ 2: TRÁI ĐẤT

### 1. Nguồn gốc hình thành Trái Đất

- Nguồn gốc hình thành Hệ Mặt Trời: thiên thể trong hệ Mặt Trời hình thành từ một đám mây bụi và khí lạnh hình đĩa với các vành xoắn ốc quay tương đối chậm. Ở trung tâm có khối lượng bụi lớn, nhiệt độ tăng lên rất cao có các phản ứng hạt nhân bắt đầu xuất hiện, đã hình thành Mặt Trời.

- Nguồn gốc hình thành Trái Đất: những vành xoắn ốc ở phía ngoài kết tụ lại dưới tác dụng của trọng lực và trở thành các hành tinh, trong đó có Trái Đất. Sự tăng thêm nhiệt làm nóng chảy vật chất ở bên trong lòng Trái Đất và sắp xếp thành các lớp: nhân, bao man-ti và vỏ Trái Đất.

### 2. Vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

#### a) Đặc điểm vỏ Trái Đất

- Trái Đất có cấu trúc gồm ba lớp: vỏ, man-ti và nhân.
- Vỏ Trái Đất là phần cứng ngoài cùng, độ dày từ 5 km dưới đáy đại dương đến 70 km ở lục địa. Trên cùng của vỏ Trái Đất thường là tầng trầm tích, ở giữa là tầng đá granit làm thành nền của các lục địa. Dưới tầng granit là tầng badan thường lộ ra dưới đáy đại dương.
- Vỏ Trái Đất được phân ra thành hai kiểu chính là vỏ lục địa và vỏ đại dương.

#### b) Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

Vỏ Trái Đất được cấu tạo bằng nhiều nguyên tố hoá học, chủ yếu là silic và nhôm (còn được gọi là quyển si-an), vật liệu cấu tạo nên Trái Đất chủ yếu là khoáng vật và đá.

### 3. Thuyết cấu tạo mảng

#### a) Nội dung:

- Vỏ Trái Đất trong quá trình hình thành đã bị gãy vỡ, tách ra thành những mảng cứng gọi là mảng kiến tạo. Toàn bộ bề mặt Trái Đất (gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti) chia thành 7 mảng lớn và một số mảng nhỏ.

#### b) Nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa

- Trong khi dịch chuyển, các mảng kiến tạo có thể có 4 cách tiếp xúc với nhau: tách rời nhau, xô vào nhau, hút chìm và trượt bằng

### 4. Hệ quả địa lí của các chuyển động của Trái Đất

#### a) Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

- Sự luân phiên ngày đêm: Do Trái Đất có hình cầu và tự quay quanh trục nên có hiện tượng luân phiên ngày đêm.

- Giờ trên Trái Đất có đường chuyển ngày quốc tế

- Giờ địa phương (giờ Mặt Trời): các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau.
- Giờ Quốc tế: Giờ ở múi giờ số 0 được lấy làm giờ Quốc tế hay giờ GMT

b) Hệ quả chuyển động quanh mặt trời của Trái Đất

- Các mùa trong năm: xuân, hạ, thu, đông

- Ngày đêm, dài ngắn theo vĩ độ: Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ trong các ngày 22-6 và 22-12 ở bán cầu Bắc, bán cầu Nam diễn ra ngược lại.

### CHỦ ĐỀ 3: THẠCH QUYỂN

#### 1. Thạch quyển, nội lực

a) Khái niệm thạch quyển: là phần cứng ngoài cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti.

- Cấu tạo: chủ yếu là các loại đá. Nên thạch quyển còn gọi là quyển đá.

- Theo thuyết kiến tạo mảng:

+ Thạch quyển được cấu tạo bởi các mảng kiến tạo có kích thước lớn nhỏ khác nhau, chuyển động trên lớp man-ti quán đèo.

+ Vận động kiến tạo ở các ranh giới các mảng đã làm thay đổi cấu trúc, hình thái địa hình bề mặt Trái Đất.

b) Nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất

\* Nội lực: là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất.

- Nguyên nhân: do sự phân hủy của các nguyên tố phóng xạ, sự dịch chuyển của các dòng vật chất theo trọng lực, năng lượng của các phản ứng hóa học trong lòng đất.

- Hệ quả là làm thay đổi bề mặt Trái Đất: dịch chuyển các mảng kiến tạo, hình thành núi, tạo ra các uốn nếp, đứt gãy, gây ra động đất, núi lửa,...

\* Tác động của nội lực đến sự hình thành bề mặt Trái Đất:

- Vận động theo phương thẳng đứng
- Vận động theo phương nằm ngang

#### 2. Ngoại lực

a) Khái niệm: là lực sinh ra trên bề mặt Trái Đất. Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là nguồn năng lượng của bức xạ mặt trời.

b) Tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất

Quá trình phong hóa

- Phong hóa lí học
- Phong hóa hóa học
- Phong hóa sinh học

Quá trình bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ

- Quá trình bóc mòn
- Quá trình vận chuyển
- Quá trình bồi tụ

### CHỦ ĐỀ 4: KHÍ QUYỂN

#### 1. Khí quyển và sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất

a) Khí quyển: Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất, luôn chịu ảnh hưởng của Vũ trụ, trước tiên là Mặt Trời

b) Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất

- Phân bố theo vĩ độ
- Phân bố theo lục địa và đại dương
- Phân bố theo địa hình

## 2. Khí áp và gió

a) Khí áp: là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất. Không khí dù nhẹ nhưng cũng có trọng lượng. Khí áp cao nhất là ở Xi-bia (Siber), lên đến 1 084 mb và khí áp thấp nhất là tại mắt bão ở Thái Bình Dương, chỉ có 870 mb.

- Nguyên nhân hình thành khí áp là do nhiệt lực và động lực
- Nguyên nhân thay đổi khí áp: theo độ cao, theo nhiệt độ, theo thành phần không khí

b) Gió: là sự chuyển động của không khí từ nơi khí áp cao đến nơi khí áp thấp. Gió được đặc trưng bởi tốc độ gió và hướng gió.

## 3. Mưa

a) Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa

- Mưa là nước rơi ở trạng thái lỏng hay rắn từ các đám mây xuống bề mặt Trái Đất. Các giọt nước hoặc tinh thể băng rơi xuống đất phải có kích thước lớn đủ để thắng sức cản của không khí, sự bay hơi trên đường rơi của chúng.
- Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên Trái Đất.
- Thế giới có những nơi mưa nhiều, lượng mưa lớn gây lũ lụt, ngược lại có nhiều khu vực lượng mưa ít gây hạn hán vì lượng mưa và sự phân bố mưa trên Trái Đất chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố: khí áp, frông, gió, dòng biển và địa hình.

b) Sự phân bố mưa trên Trái Đất

- Phân bố theo vĩ độ
- Phân bố theo khu vực

## 4. Thủy quyển, nước trên lục địa

a) Thủy quyển

- Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất, bao gồm nước trong các biển và đại dương, nước trên lục địa và hơi nước trong khí quyển, ...
- Thủy quyển có thể xâm nhập tới giới hạn trên của tầng đối lưu trong khí quyển và tồn tại trong tầng nước ngầm của thạch quyển.

b) Nước trên lục địa

- Các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông: nguồn cung cấp nước sông, các nhân tố tự nhiên khác
- Hồ là những vùng trữ chứa nước trong lục địa không thông với biển.

- Trên các đỉnh núi cao và vùng cực, do khí hậu quanh năm lạnh giá nên nước tồn tại ở thể rắn gọi là nước băng tuyết, bao phủ 10% diện tích lục địa.

- Trong vỏ Trái Đất cũng tồn tại một lượng nước khá lớn, đó là nước ngầm.

### c) Bảo vệ nước ngọt

Có nhiều giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt, trong đó có một số giải pháp quan trọng như:

+ Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới; xây dựng các hồ trữ nước, bảo trì và cải tạo đường ống vận chuyển nước ngọt, giám sát nguồn tài nguyên nước, ...

+ Sử dụng nguồn nước hợp lí: tuyên truyền, giáo dục ý thức người dân về bảo vệ tài nguyên nước; sử dụng nước tiết kiệm; ...

+ Hạn chế gây ô nhiễm nguồn nước: mỗi quốc gia cần xây dựng những khung pháp lí, quy định, chính sách, bộ Luật bảo vệ môi trường và nguồn nước,...

### 5. Nước biển và đại dương

- Nhiệt độ trung bình trên bề mặt của nước biển và ở giữa đại dương là khoảng 17°C.

- Độ muối là do nước sông hoà tan các loại muối từ đất, đá trong lục địa đưa ra.

- Sóng biển là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

- Thủy triều là hiện tượng mực nước biển dao động theo chu kì và biên độ nhất định do ảnh hưởng của sức hút Mặt Trăng, Mặt Trời và lực li tâm của Trái Đất.

- Dòng biển là dòng nước di chuyển trong các biển và đại dương tương tự như các sông ở trong lục địa.

### 6. Đất

- Đất là lớp vật chất tối xốp ở bề mặt lục địa, được đặc trưng bởi độ phì.

- Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước; nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trưởng và phát triển.

- Vỏ phong hoá là lớp sản phẩm vụn thô ở phần trên cùng của vỏ Trái Đất, kết quả của các quá trình phong hoá làm đá và khoáng vật bị biến đổi.

### 7. Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật

- Sinh quyển là một trong những quyển của lớp vỏ Trái Đất mà thành phần, cấu trúc và năng lượng của nó chủ yếu được xác định bởi hoạt động của cơ thể sống.

- Giới hạn của sinh quyển bao gồm: phần thấp của khí quyển, toàn bộ thủy quyển và phần trên của thạch quyển (lớp đất và lớp vỏ phong hoá).

- Các nhân tố ảnh hưởng: Khí hậu, nguồn nước, đất, địa hình, sinh vật và con người.

**Phần trắc nghiệm:** Chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:

**Câu 1.** Khí nào sau đây **không** phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

A. Chí tuyến.

B. Xích đạo.

C. Cực.

D. Ôn đới.

**Câu 2.** Frông ôn đới (FP) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

**Câu 3.** Gió Đông cực thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.
- C. chí tuyến về xích đạo.
- D. cực về xích đạo.

**Câu 4.** Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.
- C. chí tuyến về xích đạo.
- D. cực về xích đạo.

**Câu 5.** Nơi nào sau đây có mưa ít?

- A. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.
- B. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.
- C. Khu vực có nhiều loạn mạnh không khí.
- D. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

**Câu 6.** Sông nằm trong khu vực xích đạo thường có nhiều nước

- A. vào mùa hạ.
- B. vào mùa xuân.
- C. quanh năm.
- D. theo mùa.

**Câu 7.** Ở vùng chí tuyến, bờ Tây lục địa có khí hậu

- A. ẩm, mưa nhiều.
- B. khô, ít mưa.
- C. lạnh, ít mưa.
- D. nóng, mưa nhiều.

**Câu 8.** Đặc trưng của thổ nhưỡng là

- A. tơi xốp.
- B. độ phì.
- C. độ ẩm.
- D. vụn bở.

**Câu 9.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có



- A. toàn bộ sinh vật sinh sống.
- B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.
- C. thực, động vật; vi sinh vật.
- D. toàn bộ thực vật sinh sống.

**Câu 10.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây **không** thuộc vào môi trường đới ôn hoà?

- A. Đài nguyên.
- B. Rừng lá kim.
- C. Thảo nguyên.
- D. Rừng lá rộng.

**Câu 11.** Mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và của mỗi bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lí là quy luật

- A. địa đới.
- B. đai cao.
- C. thống nhất.
- D. địa ô.

**Câu 12.** Thành phần nào sau đây **không** thuộc lớp vỏ địa lí ở lục địa?

- A. Khí quyển.
- B. Sinh quyển.
- C. Thạch quyển.
- D. Thổ nhưỡng quyển.

**Câu 13.** Trong tự nhiên, các thành phần không tồn tại và phát triển một cách cô lập là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. thống nhất.
- D. đai cao.

**Câu 14.** Các vòng đai nhiệt từ Xích đạo đến cực được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây?

- A. Vòng đai nóng, ôn hoà, lạnh, băng giá vĩnh cửu.
- B. Vòng đai nóng, lạnh, ôn hoà, băng giá vĩnh cửu.
- C. Vòng đai lạnh, nóng, ôn hoà, băng giá vĩnh cửu.
- D. Vòng đai lạnh, nóng, băng giá vĩnh cửu, ôn hoà.

**Câu 15.** Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Cực, xích đạo.
- D. Ôn đới, chí tuyến.

**Câu 16.** Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của

- A. áp cao.
- B. áp thấp.
- C. gió mùa.
- D. địa hình.

**Câu 17.** Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

- A. Nước ngầm.
- B. Băng tuyết.
- C. Địa hình.
- D. Thực vật.

**Câu 18.** Sóng xô vào bờ **không** phải là do

- A. gió.
- B. bão.
- C. áp thấp.
- D. dòng biển.

**Câu 19.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Khí hậu.
- B. Sinh vật.
- C. Địa hình.
- D. Đá mẹ.

**Câu 20.** Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có

- A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng.
- B. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.
- C. chất dinh dưỡng, không khí và nước.
- D. chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.

**Câu 21.** Mối quan hệ giữa các thành phần trong lớp vỏ địa lí thường **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Xâm nhập và tác động lẫn nhau.
- B. Phụ thuộc và quy định lẫn nhau.
- C. Trao đổi vật chất và năng lượng với nhau.
- D. Tồn tại và phát triển độc lập với nhau.

**Câu 22.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của

- A. đất và thực vật.
- B. thực và động vật.
- C. động vật và đất.
- D. đất và vi sinh vật.

**Câu 23.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với frông?

- A. Có frông nóng và frông lạnh.
- B. Là nơi có nhiều loạn thời tiết.
- C. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
- D. Hướng gió hai bên giống nhau.

**Câu 24.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

**Phần tự luận**

**Câu 1.** Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Nêu các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất.
- Trình bày sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất.

.....

.....

.....

**Câu 2.** Trình bày biểu hiện của quy luật địa đới thông qua sự phân bố của các thành phần và cảnh quan địa lí. Cho ví dụ minh hoạ.

.....

.....

.....

**Câu 3.** Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Trình bày hiện tượng phơn (gió phơn) và cho biết nguyên nhân hình thành hiện tượng này.
- Nêu sự khác nhau về nhiệt độ không khí và lượng mưa ở sườn đón gió và sườn khuất gió.

.....

.....

.....

**Câu 4.** Việc nghiên cứu quy luật địa đới và quy luật phi địa đới trong vỏ địa lí có ý nghĩa như thế nào trong tìm hiểu và sử dụng tự nhiên?

.....

.....

.....

----- **Hết** -----

**Phần trắc nghiệm**

Câu 1: B	Câu 2: B	Câu 3: B	Câu 4: C	Câu 5: D	Câu 6: C
Câu 7: B	Câu 8: B	Câu 9: A	Câu 10: A	Câu 11: C	Câu 12: C
Câu 13: C	Câu 14: A	Câu 15: D	Câu 16: A	Câu 17: A	Câu 18: D
Câu 19: B	Câu 20: A	Câu 21: D	Câu 22: A	Câu 23: D	Câu 24: B

**Câu 1.** Khối khí nào sau đây **không** phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

- A. Chí tuyến.
- B. Xích đạo.
- C. Cực.
- D. Ôn đới.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về khối khí.

**Lời giải**

Mỗi bán cầu đều có 4 khối khí chính, đó là khối khí: cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo.

- Khối khí bắc cực, nam cực rất lạnh kí hiệu là A.
- Khối khí ôn đới lạnh, kí hiệu là P.
- Khối khí chí tuyến (nhiệt đới) rất nóng, kí hiệu là T.
- Khối khí xích đạo nóng ẩm kí hiệu là E.

Từng khối khí lại phân biệt thành kiểu hải dương (ẩm), kí hiệu là m và kiểu lục địa (khô), kí hiệu là c. **Riêng khối khí xích đạo chỉ có một kiểu là khối khí hải dương, kí hiệu là Em.**

**Đáp án B.**

**Câu 2.** Frông ôn đới (FP) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

**Phương pháp**

Xác định vị trí từ đó thấy được hai khối khí nằm bên mặt ngăn cách của Frông ôn đới (FP).

**Lời giải**

Frông ôn đới (FP) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí chí tuyến và ôn đới.

**Đáp án B.**

**Câu 3.** Gió Đông cực thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.
- C. chí tuyến về xích đạo.
- D. cực về xích đạo.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về gió Đông Cực (phạm vi hoạt động, thời gian hoạt động, hướng, tính chất của gió).

**Lời giải**

Gió Đông cực thổi từ áp cao cực về áp thấp ôn đới.

**Đáp án B.**

**Câu 4.** Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.
- C. chí tuyến về xích đạo.
- D. cực về xích đạo.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về gió Mậu Dịch (phạm vi hoạt động, thời gian hoạt động, hướng, tính chất của gió).

**Lời giải**

Gió Mậu dịch thổi từ áp cao chí tuyến về áp thấp xích đạo.

**Đáp án C.**

**Câu 5.** Nơi nào sau đây có mưa ít?

- A. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.
- B. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.
- C. Khu vực có nhiều loạn mạnh không khí.
- D. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

**Phương pháp**

Xác định các nhân tố gây mưa, từ đó xác định nơi có mưa ít

**Lời giải**

Phân tích từng đáp án

Đáp án A sai vì giữa các khối khí nóng và khối không khí lạnh thường có nhiều loạn, vì vậy nơi nằm giữa các khối khí nóng và lạnh thường mưa nhiều.

Đáp án B sai vì gió thổi từ áp cao về áp thấp, gió là một trong những nguyên nhân gây mưa vì vậy khu vực này có mưa nhiều.

Đáp án C sai vì các nhiễu loạn không khí gây mưa vì vậy khu vực có nhiều loạn không khí sẽ có mưa.

Đáp án D đúng vì khu vực thường xuyên có gió thổi đi ít mưa do không có nhân tố gây mưa là gió hoạt động

**Đáp án D.**

**Câu 6.** Sông nằm trong khu vực xích đạo thường có nhiều nước

- A. vào mùa hạ.
- B. vào mùa xuân.
- C. quanh năm.
- D. theo mùa.

**Phương pháp**

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, từ đó thấy được thời gian sông ở các khu vực xích đạo thường có nhiều nước.

**Lời giải**

Chế độ mưa là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chế độ sông ở khu vực xích đạo, tại xích đạo có mưa nhiều quanh năm do đó nguồn cung cấp nước cho các con sông luôn dồi dào, sông nhiều nước quanh năm

**Đáp án C.**

**Câu 7.** Ở vùng chí tuyến, bờ Tây lục địa có khí hậu

- A. ẩm, mưa nhiều.
- B. khô, ít mưa.
- C. lạnh, ít mưa.
- D. nóng, mưa nhiều.

**Phương pháp**

Xác định được khí hậu bờ Tây lục địa khu vực chí tuyến.

**Lời giải**

Ở vùng chí tuyến, bờ Tây lục địa có khí hậu khô, ít mưa do chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh chảy ven bờ.

**Đáp án B.**

**Câu 8.** Đặc trưng của thổ nhưỡng là

- A. tơi xốp.
- B. độ phì.
- C. độ ẩm.
- D. vụn bờ.

**Phương pháp**

Nắm chắc khái niệm về thổ nhưỡng

**Lời giải**

Đặc trưng của thổ nhưỡng là độ phì.

**Đáp án B.**

**Câu 9.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. toàn bộ sinh vật sinh sống.
- B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.

C. thực, động vật; vi sinh vật.

D. toàn bộ thực vật sinh sống.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức khái niệm sinh quyển

**Lời giải**

Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có toàn bộ sinh vật sinh sống.

**Đáp án A.**

**Câu 10.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây **không** thuộc vào môi trường đới ôn hoà?

A. Đài nguyên.

B. Rừng lá kim.

C. Thảo nguyên.

D. Rừng lá rộng.

**Phương pháp**

Chú ý từ khóa “không”.

Nắm chắc kiến thức về sự phân bố các thảm thực vật. Quan sát hình ảnh sau:

Môi trường địa lí	Kiểu khí hậu chính	Kiểu thảm thực vật chính	Nhóm đất chính
Đới lạnh	- Cận cực lục địa	- Đài nguyên	- Đài nguyên
Đới ôn hoà	- Ôn đới lục địa (lạnh)	- Rừng lá kim	- Pôtdôn
	- Ôn đới hải dương	- Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp	- Nâu và xám
	- Ôn đới lục địa (nửa khô hạn)	- Thảo nguyên	- Đen
	- Cận nhiệt gió mùa	- Rừng cận nhiệt ẩm	- Đỏ vàng cận nhiệt ẩm
	- Cận nhiệt địa trung hải	- Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt	- Đỏ nâu
	- Cận nhiệt lục địa	- Hoang mạc và bán hoang mạc	- Xám
Đới nóng	- Nhiệt đới lục địa	- Xavan	- Đỏ, nâu đỏ
	- Nhiệt đới gió mùa	- Rừng nhiệt đới ẩm	- Đỏ vàng (Feralit)
	- Xích đạo	- Rừng xích đạo	- Đỏ vàng (Feralit)

**Lời giải**

Các kiểu thảm thực vật thuộc đới ôn hòa bao gồm: thảo nguyên, rừng lá rộng, rừng lá kim.

Đài nguyên là kiểu thảm thực vật của đới lạnh

**Đáp án A.**

**Câu 11.** Mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và của mỗi bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lí là quy luật

A. địa đới.

B. đai cao.

C. thống nhất.

D. địa ô.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về các quy luật địa lí trên Trái Đất

**Lời giải**

Mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và của mỗi bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lí là quy luật thống nhất.

**Đáp án C.**

**Câu 12.** Thành phần nào sau đây **không** thuộc lớp vỏ địa lí ở lục địa?

- A. Khí quyển.
- B. Sinh quyển.
- C. Thạch quyển.
- D. Thổ nhưỡng quyển.

**Phương pháp**

Xác định giới hạn của lớp vỏ địa lí và giới hạn của các thành phần khí quyển, sinh quyển, thạch quyển, thổ nhưỡng quyển

**Lời giải**

Lớp vỏ địa lí ở lục địa tính từ giới hạn dưới của lớp ô-dôn xuống kết lớp vỏ phong hóa.

Thạch quyển có độ dày khoảng 100km ranh giới bên dưới của thạch quyển tiếp xúc với lớp quánh dẻo của manti trên.

Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất.

Thổ nhưỡng là lớp vật chất tơi xốp trên bề mặt lục địa

Sinh quyển: giới hạn của sinh quyển phụ thuộc vào sự tồn tại của sự sống. Ranh giới trên cao tiếp xúc với lớp ô-dôn của khí quyển, ranh giới thấp xuống tận đáy sâu các đại dương và dừng lại ở đáy lớp vỏ phong hóa trên đất liền

⇒ Thạch quyển thuộc lớp vỏ địa lí ở lục địa.

**Đáp án C.**

**Câu 13.** Trong tự nhiên, các thành phần không tồn tại và phát triển một cách cô lập là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. thống nhất.
- D. đai cao.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về các quy luật địa lí trên Trái Đất.

**Lời giải**

Nguyên nhân hình thành quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí do tất cả các thành phần của vỏ địa lí không tồn tại và phát triển độc lập mà luôn tác động, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau tạo nên thể thống nhất và hoàn chỉnh.

**Đáp án C.**

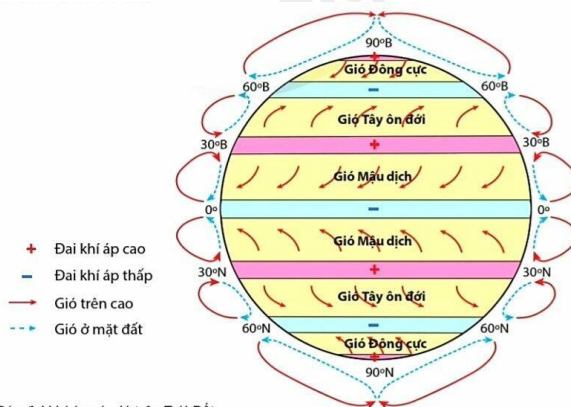
**Câu 14.** Các vòng đai nhiệt từ Xích đạo đến cực được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây?



- A. Vòng đai nóng, ôn hoà, lạnh, băng giá vĩnh cửu.
- B. Vòng đai nóng, lạnh, ôn hoà, băng giá vĩnh cửu.
- C. Vòng đai lạnh, nóng, ôn hoà, băng giá vĩnh cửu.
- D. Vòng đai lạnh, nóng, băng giá vĩnh cửu, ôn hoà.

**Phương pháp**

Quan sát hình ảnh sau đây:



Hình 8.1. Các đai khí áp và gió trên Trái Đất

**Lời giải**

Các vòng đai nhiệt từ Xích đạo đến cực được sắp xếp theo thứ tự vòng đai nóng, ôn hoà, lạnh, băng giá vĩnh cửu.

**Đáp án A.**

**Câu 15.** Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Cực, xích đạo.
- D. Ôn đới, chí tuyến.

**Phương pháp**

Xác định nguyên nhân hình thành nên các đai khí áp.

**Lời giải**

Các vành đai áp được hình thành do động lực là ôn đới và chí tuyến

**Đáp án D.**

**Câu 16.** Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của

- A. áp cao.
- B. áp thấp.
- C. gió mùa.
- D. địa hình.

**Phương pháp**

Xác định các nhân tố gây mưa từ đó chỉ ra nguyên nhân vùng chí tuyến có mưa tương đối ít.

**Lời giải**

Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của áp cao cận chí tuyến hoạt động mạnh và thường xuyên.

**Đáp án A.**

**Câu 17.** Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

- A. Nước ngầm.
- B. Băng tuyết.
- C. Địa hình.
- D. Thực vật.

**Phương pháp**

Chú ý các từ khóa “vùng đất đá thấm nước nhiều”, “vai trò đáng kể”, “điều hòa chế độ nước sông”.

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông và ý nghĩa của chúng

**Lời giải**

Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nước ngầm có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông.

**Đáp án A.**

**Câu 18.** Sóng xô vào bờ **không** phải là do

- A. gió.
- B. bão.
- C. áp thấp.
- D. dòng biển.

**Phương pháp**

Nắm chắc kiến thức về sóng (khái niệm, nguyên nhân)

**Lời giải**

Phân tích các đáp án:

Đáp án A sai vì gió là nguyên nhân sinh ra sóng.

Đáp án B sai vì bão khiến biển động kéo theo đó là các đợt sóng lớn xô vào bờ.

Đáp án C sai vì áp thấp gây mưa khiến nước trong các biển và đại dương động tạo nên các đợt sóng xô vào bờ.

Đáp án D đúng vì dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương, không có tác động đủ mạnh để khiến sóng xô vào bờ.

**Đáp án D.**

**Câu 19.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Khí hậu.
- B. Sinh vật.

C. Địa hình.

D. Đá mẹ.

### Phương pháp

Xác định các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất và vai trò của chúng trong quá trình này.

### Lời giải

Sinh vật là nguồn cung cấp chất hữu cơ cho đất.

### Đáp án B

**Câu 20.** Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có

A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng.

B. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.

C. chất dinh dưỡng, không khí và nước.

D. chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.

### Phương pháp

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật

### Lời giải

Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng.

### Đáp án A.

**Câu 21.** Mối quan hệ giữa các thành phần trong lớp vỏ địa lí thường **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Xuyên nhập và tác động lẫn nhau.

B. Phụ thuộc và quy định lẫn nhau.

C. Trao đổi vật chất và năng lượng với nhau.

D. Tồn tại và phát triển độc lập với nhau.

### Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các quy luật địa lí trên Trái Đất

### Lời giải

Các thành phần trong lớp vỏ địa lí xuyên nhập và tác động lẫn nhau, chúng quy định và phụ thuộc, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau. Đây là nội dung của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

Tồn tại và phát triển độc lập với nhau không nằm trong nội dung của bất kì quy luật địa lí nào

### Đáp án D.

**Câu 22.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của

A. đất và thực vật.

B. thực và động vật.

C. động vật và đất.

D. đất và vi sinh vật.

### Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về quy luật đai cao

### Lời giải

Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của đất và thực vật

### Đáp án A.

**Câu 23.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với frông?

- A. Có frông nóng và frông lạnh.
- B. Là nơi có nhiều loạn thời tiết.
- C. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
- D. Hướng gió hai bên giống nhau.

### Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về frông.

### Lời giải

Frông là mặt ngăn cách hai khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí. Các khối khí ngăn cách nhau theo một mặt nghiêng có sự khác biệt về nhiệt độ và hướng gió.

Frông là nơi diễn ra các nhiễu loạn thời tiết.

### Đáp án D.

**Câu 24.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

### Phương pháp

Xác định ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển của sinh vật.

Chú ý từ khóa “không”.

### Lời giải

Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất. Đây là ảnh hưởng của đất tới sự phát triển của sinh vật. Chính vì vậy nội dung này không đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển của sinh vật

### Đáp án B.

### Phần tự luận

**Câu 1.** Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Nêu các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất.

Trên Trái Đất, có 2 vành đai áp cao cận chí tuyến, 2 vành đai áp thấp ôn đới và 2 đai áp cao cực. Các đai áp cao và áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp Xích Đạo (chỉ có 1 đai áp thấp xích đạo).

b. Trình bày sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất.

Ở vùng Xích đạo do nhiệt độ cao quanh năm, hơi nước bốc lên mạnh chiếm dần chỗ của không khí khô, sức nén không khí giảm, hình thành đai áp thấp xích đạo (nguyên nhân nhiệt lực).

Không khí bốc lên cao từ Xích đạo di chuyển về chí tuyến và dòn xuống, sức nén không khí tăng, hình thành nên đai áp cao cận chí tuyến (nguyên nhân động lực).

Ở vùng cực, do nhiệt độ rất thấp, sức nén không khí tăng, hình thành các đai áp cao cực (nguyên nhân nhiệt lực).

Từ các đai áp cao ở cận chí tuyến và ở vùng cực, không khí di chuyển về vùng ôn đới gặp nhau và bốc lên cao, sức nén không khí giảm hình thành đai áp thấp ôn đới (nguyên nhân động lực).

**Câu 2.** Trình bày biểu hiện của quy luật địa đới thông qua sự phân bố của các thành phần và cảnh quan địa lí. Cho ví dụ minh họa.

Một số biểu hiện của quy luật địa đới

- Sự phân bố của các vòng đai nhiệt trên Trái Đất: Sự phân bố nhiệt trên bề mặt Trái Đất phụ thuộc chủ yếu vào bức xạ mặt trời. Lượng bức xạ mặt trời được quy định bởi góc nhập xạ. Góc nhập xạ giảm dần từ Xích đạo về hai cực, đó là nguyên nhân hình thành các vòng đai nhiệt. Các vòng đai nhiệt trên Trái Đất là: vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.
- Sự phân bố các đai khí áp và các đới gió trên Trái Đất: Các đai khí áp cao và đai khí áp thấp phân bố xen kẽ, đối xứng qua đai áp thấp xích đạo. Sự phân bố các đai khí áp cũng là nguyên nhân hình thành các đới gió trên Trái Đất
- Các đới khí hậu trên Trái Đất: Tất cả các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, khí áp, gió, mưa đều thể hiện rõ rệt sự ohaan bố theo quy luật địa đới. Do đó đặc điểm quan trọng nhất trong sự phân bố khí hậu thế giới là sự phân hóa theo vĩ độ, theo đó hình thành nên 7 đới khí hậu từ Xích Đạo về hai cực.

Ví dụ minh họa: Nhiệt độ không khí trên Trái Đất thay đổi theo vĩ độ, tuân theo quy luật địa đới. Càng lên vĩ độ cao, nhiệt độ trung bình năm càng giảm và biên độ nhiệt độ năm càng tăng. Do yếu tố nhiệt độ phụ thuộc vào bức xạ mặt trời mà bức xạ mặt trời thay đổi theo vĩ độ do đó yếu tố này tuân theo quy luật địa đới.

**Câu 3,** Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Trình bày hiện tượng phơn (gió phơn) và cho biết nguyên nhân hình thành hiện tượng này.

Gió phơn là gió vượt núi, nhiệt độ giảm đi và gây mưa ở sườn đón gió. Khi vượt sang sườn khuất gió, hơi nước giảm, nhiệt độ tăng lên, trở thành gió khô nóng.

Do ảnh hưởng của địa hình núi cao, gió phơn ở sườn đón gió mang theo nhiệt và ẩm nhưng theo quy luật cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm  $0,6^{\circ}\text{C}$  gió phơn lên cao gặp lạnh, hơi nước ngưng kết và gây mưa ngay bên sườn đón gió. Sang đến sườn khuất gió, theo quy tắc xuống 100m nhiệt độ tăng  $1^{\circ}\text{C}$  kết hợp với hơi ẩm đã ngưng kết gây mưa bên sườn đón gió, gió phơn trở nên khô nóng

b. Nêu sự khác nhau về nhiệt độ không khí và lượng mưa ở sườn đón gió và sườn khuất gió.

Sườn đón gió: nhiệt độ không khí thấp hơn sườn khuất gió, ẩm và mưa nhiều hơn.

Sườn khuất gió: nhiệt độ không khí cao hơn sườn khuất gió, khô và mưa ít hơn.

**Câu 4.** Việc nghiên cứu quy luật địa đới và quy luật phi địa đới trong vỏ địa lí có ý nghĩa như thế nào trong tìm hiểu và sử dụng tự nhiên?

Việc nghiên cứu quy luật địa đới có tầm quan trọng đặc biệt đối với sản xuất và đời sống. Ví dụ: Miền nhiệt đới gió mùa có khí hậu nóng ẩm nên máy móc thiết bị hay bị hoen rỉ. Tính chất nóng ẩm của miền nhiệt đới cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các loại bệnh nhiệt đới phát triển. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu các biện pháp để thích ứng với điều kiện tự nhiên ở các đới thiên nhiên.

Việc nghiên cứu phi địa đới có ý nghĩa to lớn trong việc tìm hiểu và sử dụng tự nhiên. Các nhân tố phi địa đới không chỉ tác động tới sự phân bố nhiệt ẩm trên Trái Đất mà còn quyết định tới các thành phần khoáng chất của đất, nước, các chất hữu cơ,... Tính phi địa đới còn làm cho các đới thiên nhiên đa dạng, phong phú tạo nhiều lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Ví dụ: Miền Bắc nước ta do có một mùa đông lạnh nên ngoài các cây trồng nhiệt đới còn có thể phát triển các loài cây cận nhiệt và ôn đới như su hào, bắp cải, lê, táo,...